

VỀ SỰ AN TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngọc Trân NGUYỄN

Giáo sư, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long
nntran2010@gmail.com

TÓM TẮT

Trong mỗi quốc gia, một siêu đô thị ra đời tác động mạnh đến nền kinh tế, môi trường và xã hội của quốc gia đó, và ngược lại sự an toàn của nó chịu sự chi phối của các yếu tố này. Chính vì vậy, Thành phố Hồ Chí Minh, một siêu đô thị châu Á trong một tương lai không xa, cần được tiếp cận trên các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường và quản lý điều hành. Nhiệm vụ càng cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và biến đổi khí hậu toàn cầu. Bài tham luận này chỉ đề cập đến một số vấn đề mà theo tác giả là bức thiết. Các lĩnh vực khoa học và công nghệ có rất nhiều việc để đóng góp thiết thực cho sự an toàn và sự phát triển bền vững của thành phố siêu đô thị tương lai này.

Từ khóa: Thành phố Hồ Chí Minh, kinh tế xã hội, môi trường, phát triển bền vững

I. VỀ CÁC SIÊU ĐÔ THỊ

Một siêu đô thị được hiểu là một đô thị có tổng số cư dân vượt 10 triệu người. Với cách hiểu như vậy, danh sách các siêu đô thị trên thế giới rất biến động và không ngừng tăng lên.

Năm 2007, báo cáo *Megacity Challenges* [1] khảo sát 25 thành phố trong đó 21 là siêu đô thị theo chuẩn 10 triệu dân.

Theo McKinsey Global Institute [2], ở thời điểm 2007 có 23 siêu đô thị trên thế giới. Xếp hạng theo số dân từ cao xuống lần lượt đó là: Tokyo, Mumbai, Mexico City, New York, São Paulo, Shanghai, Kolkata, Delhi, Beijing, Chongqing, London, Dhaka, Buenos Aires, Los Angeles, Karachi, Cairo, Rio de Janeiro, Paris, Rhein-Ruhr, Osaka, Manila, Moscow và Istanbul. 23 siêu đô thị này chiếm 5% dân số thế giới và tạo ra 14% GDP toàn cầu.

Dự báo sự phát triển các siêu đô thị đến năm 2025, dựa trên số liệu năm 2007, Viện McKinsey Global Institute (MGI) xem xét thêm 600 đô thị mà MGI gọi là *The City 600* (tạm dịch *Nhóm đô thị 600*) gồm có 23 siêu đô thị, 45 đô thị hạng nặng (large middleweight), 143 đô thị hạng trung (midsize middleweight), và 389 đô thị hạng nhẹ (small middleweight) (Hình 1).

Năm 2007, *Nhóm đô thị 600* chiếm 22% dân số toàn cầu và tạo ra 54% tổng GDP toàn cầu.

Trong tổng số *Nhóm đô thị 600*, các nước đang phát triển có 16 siêu đô thị (69,6%), và 407 đô thị 600 (67,8%).

Để nhấn mạnh tầm quan trọng của các siêu đô thị, hai chỉ tiêu thường được xem xét là tỷ trọng dân số và tỷ trọng GDP của các siêu đô thị trên dân số thế giới và trên GDP toàn cầu.

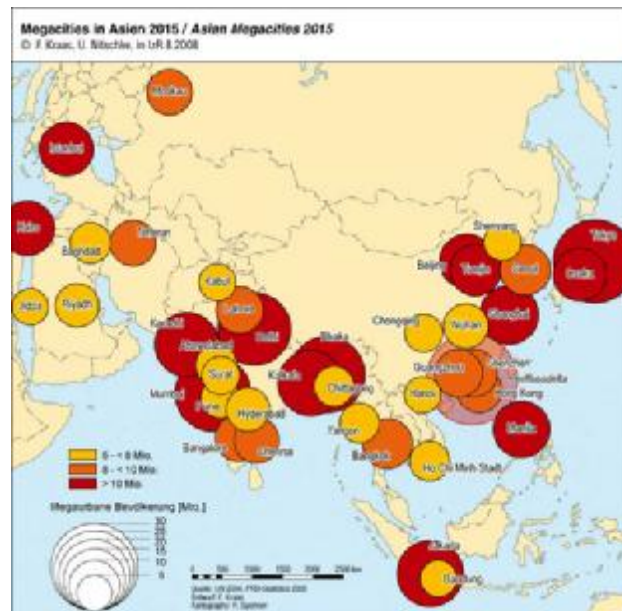
Đối với một siêu đô thị của một quốc gia hai chỉ tiêu tương tự là tỷ trọng dân số và tỷ trọng GDP của siêu đô thị này trên dân số và GDP cả nước.



Hình 1. Phân bố Nhóm đô thị 600 trên thế giới (MGI 2007)

Trong 23 siêu đô thị trong danh sách của MGI, châu Á có 11. Đó là Tokyo, Mumbai, Shanghai, Kolkata, Delhi, Beijing, Chongqing, Dhaka, Karachi, Osaka, Manila.

F. Krass và U. Nitschke (2008) [3] đưa ra dự báo các siêu đô thị ở châu Á vào năm 2015 (Hình 3).



Hình 3. Các siêu đô thị châu Á vào năm 2015

Có thể thấy tuyệt đại bộ phận các siêu đô thị (hoặc sắp trở thành) đều thuộc các nước đang phát triển. Điều này đúng không chỉ riêng ở châu Á, mà còn trên phạm vi toàn cầu, như đã thấy khi nói về Nhóm đô thị 600.

2. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, MỘT SIÊU ĐÔ THỊ TƯƠNG LAI

Bảng 2 cung cấp số liệu kết quả các cuộc tổng điều tra dân số cả nước, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh các năm 1979, 1989, 1999 và 2009.

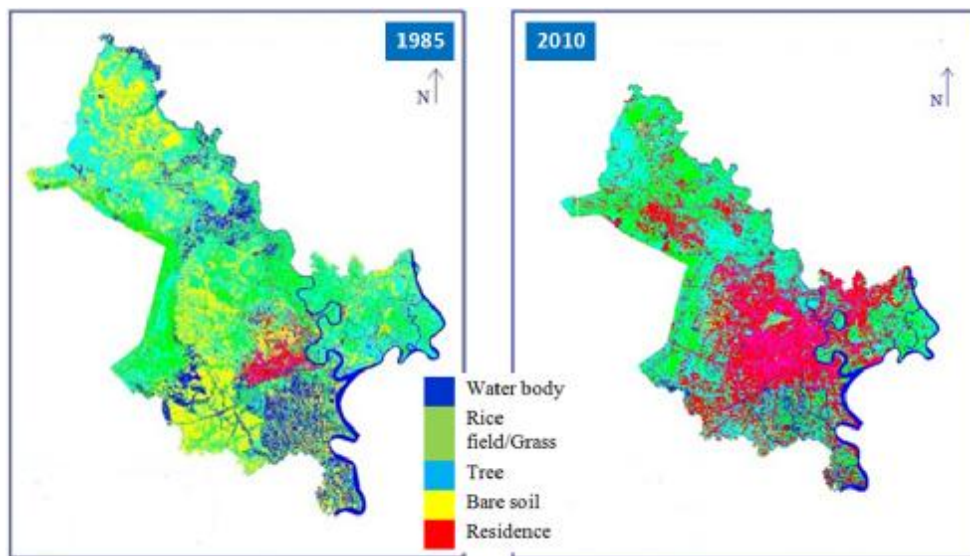
Bảng 2. Số liệu các cuộc tổng điều tra dân số tại Tp. Hồ Chí Minh

DÂN SỐ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH QUA BỐN LẦN TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ				
Tp. Hồ Chí Minh	01.10.1979	01.04.1989	01.04.1999	01.04.2009
Tổng số	3,419,978	3,988,124	5,037,155	7,162,864
Thành thị	2,700,849	2,946,426	4,204,662	5,968,384
Nông thôn	719,129	1,041,698	832,493	1,194,480
Tỉ lệ Thành thị/Tổng số	79.0%	73.9%	83.5%	83.3%
Nam	1,622,072	1,890,343	2,424,415	3,435,734
Nữ	1,797,906	2,097,781	2,612,740	3,727,130

Tốc độ tăng dân số sau mỗi 10 năm tăng lên đáng kể: năm 1989 so với 1979 là 16,6%, năm 1999 so với 1989 là 26,3%, và 2009 so với 1999 là 42,2%.

Tỷ trọng dân số thành thị trên tổng số dân ở thành phố Hồ Chí Minh giảm năm 1989 so với năm 1979, và tăng cao năm 1999 và năm 2009.

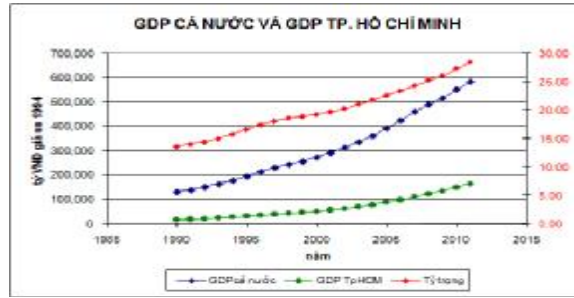
Các nhận xét trên đây được phản ánh khá rõ qua sự tăng trưởng của diện tích đất thổ cư đã được xây cất trong bản đồ sử dụng đất năm 1985 và năm 2010 của Thành phố (Hình 4).



Nguồn: Hồ Long Phi và ctv. Thông báo riêng của Hồ Long Phi.

Hình 4. Bản đồ sử dụng đất của Tp Hồ Chí Minh, năm 1985 (trái) và 2010 (phải)

Sự tăng trưởng của GDP Thành phố Hồ Chí Minh trong 20 năm (1990 – 2011) là khá nhanh, từ 17.993 lên 166.423 tỷ đồng (giá so sánh 1994), chiếm tỷ trọng trên GDP cả nước từ 13,63% lên 28,49% (Hình 5).



Hình 5. GDP cả nước, GDP Tp. Hồ Chí Minh và tỷ trọng

Vào thập niên 1980, các nước đã phát triển đẩy mạnh đầu tư trực tiếp ra nước ngoài với mục đích tìm lợi nhuận cao từ nguồn nhân lực dồi dào và rẻ tiền ở các nước đã phát triển.

Ý định này trùng hợp với tình trạng “khát” vốn đầu tư và công nghệ của các nước đang phát triển. Đó là khởi nguồn cho làn sóng *đầu tư trực tiếp nước ngoài* vào các nước đang phát triển vào đầu thập niên 1980 [4].

Tiếp theo sau đó, tự do hóa thương mại, toàn cầu hóa kinh tế và sự ra đời của *Tổ chức thương mại thế giới* WTO, thay cho *Tổng Hiệp định về Thương mại và Thuế quan* GATT năm 1995, đã mở rộng đầu tư trực tiếp sang đầu tư gián tiếp, khái niệm thương mại bao gồm hàng hóa, sở hữu trí tuệ và dịch vụ, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại và tài chính. Đây là cơ hội đan xen với thách thức để các nước đang phát triển tiếp nhận vốn đầu tư từ bên ngoài.

Các khu công nghiệp, các văn phòng, khách sạn, biệt thự và căn hộ cao cấp và các tiện nghi giải trí cùng với hạ tầng cơ sở giao thông, thông tin liên lạc nhanh chóng mọc lên. Cơ hội về công ăn việc làm thu hút một nguồn nhân lực ở những trình độ khác nhau. Bề mặt của đô thị nhờ đó kang trang hẳn lên.

Đây là những “cú hích” cho sự hình thành nhanh chóng các siêu đô thị ở các nước đang phát triển.

Cũng cần nói thêm rằng có một số siêu đô thị châu Á đã được hình thành gắn với dịch vụ chiến tranh tại Việt Nam trong những năm 1960 – 1970 và sau đó khi Việt Nam phải đối mặt với sự cấm vận cho đến giữa thập niên 1990.

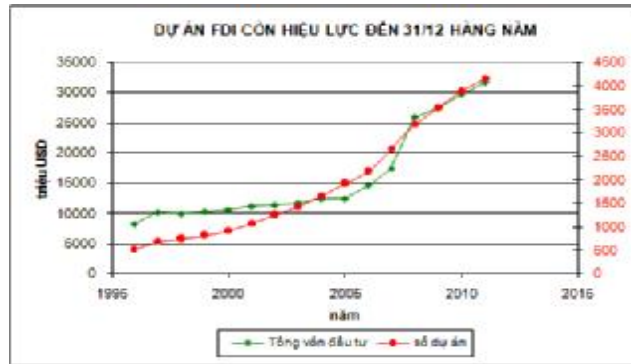
Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tiên của Việt Nam được ban hành năm 1987. Tuy vậy, dòng vốn đầu tư nước ngoài chỉ thực sự chảy vào Việt Nam nói chung, vào Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng từ giữa thập niên 1990, sau khi Hoa Kỳ dỡ bỏ lệnh cấm vận và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.

Số dự án đầu tư FDI và tổng vốn đầu tư còn hiệu lực đến ngày 31.12 hàng năm tăng đều từ năm 1995 đến nay (Hình 6).

Với đà phát triển này, trong một thời gian không xa, không nghi ngờ gì nữa Thành phố Hồ Chí Minh sẽ trở thành một siêu đô thị ở châu Á.

Trong các nguyên nhân của sự phát triển nhanh chóng Thành phố Hồ Chí Minh, có yếu tố quản lý nhà nước đã biết khai thác nhu cầu của các công ty đa quốc gia đầu tư ra nước ngoài, và đã biết nắm bắt những thời cơ mà tự do hóa thương mại mở ra, kết hợp với phát huy nguồn lực và vị trí địa lý - chính trị - kinh tế của Thành phố và của cả nước.

Tuy nhiên, đan xen với những thời cơ đó là những thách thức về kinh tế, xã hội, môi trường và về quản lý nhà nước.



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Tp Hồ Chí Minh

Hình 6. Số dự án đầu tư còn hiệu lực đến 31.12 hàng năm và tổng vốn đầu tư tương ứng

3. MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ AN TOÀN CỦA TP. HỒ CHÍ MINH

3.1. Về kinh tế

Khi sự tăng trưởng nhanh về kinh tế tùy thuộc chủ yếu vào nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài thì điều này tự bản thân nó chứa đựng nguy cơ khủng hoảng khi dòng vốn đó vì một lý do nào đó không còn như trước nữa. Vì vậy, phát triển nội lực của nền kinh tế là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược.

Trong một nền kinh tế ngày càng toàn cầu hóa, nguy cơ có thể xảy ra từ một nước khác. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 bắt đầu ở Thái Lan, rồi cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2007 nổ ra tại Hoa Kỳ đã tác động tới nền kinh tế của Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Gần đây, những quốc gia và những thành phố bị (hoặc bên bờ vực) phá sản cung cấp những kinh nghiệm và bài học về thể nào là một sự *hội nhập chủ động*.

Khi tập trung đầu tư cho Thành phố Hồ Chí Minh, lãnh đạo Thành phố rất quan tâm đến khu vực ngoại thành và nông thôn của thành phố.

Sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh phải gắn kết với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và có liên kết với Tây Nam Bộ, để phát huy thế mạnh của nhau và cùng nhau đi lên. Hơn thế nữa, nguồn nhân lực cần cho sự phát triển Thành phố đến từ khắp cả nước mà trước tiên từ các tỉnh Nam Bộ.

Những chủ trương trên đây là đúng đắn và cần thiết cho sự an toàn và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Về xã hội

Trong rất nhiều vấn đề, cần xem xét nhất là *cái nghèo của người dân đô thị* vì ý nghĩa của nó đối với sự gắn kết xã hội và sự phát triển bền vững.

Theo tài liệu *Thành phố Hồ Chí Minh, 35 năm xây dựng và phát triển* [5], tốc độ tăng GDP bình quân đầu người ở Thành phố như sau:

Bảng 4. Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người ở Tp Hồ Chí Minh

TỐC ĐỘ TĂNG GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI TP. HỒ CHÍ MINH						
76-80	81-85	86-90	91-95	96-00	01-05	06-10
1.32	2.96	5.57	9.97	7.16	7.51	7.32

Từ năm 1996 đến năm 2008, tỷ lệ hộ gia đình có các tiện nghi sinh hoạt thông thường tăng đều.

Việc xóa được một số lớn các khu “nhà ổ chuột”, một số “xóm nước đen” đã tồn tại từ trước là một điểm son của Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự quan tâm chăm sóc đến người dân nói chung, đến người lao động nhập cư, đến người nghèo nói riêng, liên tục trong thời gian qua của Thành phố là đúng đắn và cần được tiếp tục vì còn nhiều vấn đề xã hội, xuất phát điểm của các tệ nạn xã hội, phải giải quyết.

Thu nhập bình quân tháng/người tăng 3 lần từ 2002 đến 2010. Tỷ lệ thu nhập thành thị/nông thôn giảm trong khoảng thời gian này từ 1.8 xuống 1.5 lần, trong khi khoảng cách giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất tăng từ 6.17 lên 6.66 lần. Khoảng cách này thấp hơn khoảng cách tương ứng trong cả nước

Thu nhập bình quân người /tháng					
	2002	2004	2006	2008	2010
Cả nước	904.1	1164.8	1480	2192	2737
Thành thị	987	1266.9	1564	2359	2899.8
Nông thôn	549	726	939	1308	1931.3
Tỷ lệ TT/NT	1.80	1.75	1.67	1.80	1.50
theo Nhóm 20%					
Nhóm 1	316.4	430.8	554	827	965.2
Nhóm 5	1951.7	2668.3	3453	5252	6429
Tỷ lệ N5/N1	6.17	6.19	6.23	6.35	6.66
Cả nước	8.11	8.34	8.4	8.94	...

Nguồn: Niên giám thống kê Tp. Hồ Chí Minh 2011

Gần đây, dự án “*Theo dõi nghèo đô thị 2008-2012*” của Tổ chức Oxfam Việt Nam đã điều tra nghiên cứu tình trạng nghèo của người dân đô thị [6].

Theo dự án, “trong 5 năm qua (giai đoạn 2008-2012), cuộc sống của đa số người nghèo đô thị tại các điểm quan trắc đã được cải thiện. (...) Tỷ lệ nghèo đô thị tại các thành phố lớn của Việt Nam đã ở mức thấp nếu xét đơn thuần theo các tiêu chí thu nhập hoặc chi tiêu, kể cả khi tăng chuẩn nghèo. Tuy nhiên, khi nhìn dưới góc độ nghèo đa chiều, tình trạng nghèo đô thị trầm trọng hơn nhiều”.

Gọi *nghèo đa chiều* là những thiếu hụt cơ bản liên hoàn giam hãm người nghèo đô thị khó thoát ra khỏi cảnh nghèo.

Đối với người nghèo bản địa có 5 điều thiếu cơ bản: “thiếu lao động và tay nghề”, “thiếu khả năng chuyển đổi sinh kế”, “thiếu vốn xã hội”, “hạn chế tiếp cận dịch vụ công”, “môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn”.

Năm chiều thiếu cơ bản đối với người nghèo nhập cư là: “chi phí cuộc sống cao”, “việc làm bấp bênh”, “thiếu hòa nhập xã hội”, “hạn chế tiếp cận dịch vụ công”, “môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn”.

3.3. Về môi trường và tình trạng ngập trong Thành phố

Nạn ùn tắc giao thông, ô nhiễm không khí, âm thanh, môi trường nước, tình trạng ngập mỗi khi mưa to hoặc triều cường, cùng với lượng khí hiệu ứng nhà kính mà Thành phố phát thải đang là những vấn đề đặt ra ngày càng bức xúc. Thành phố Hồ Chí Minh cần có biện pháp giải quyết sớm để không phải trả cái giá rất đắt mà các siêu đô thị châu Á đã gặp.

Tình trạng ngập trong thành phố gây nhiều khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân cần có giải pháp cơ bản và thích hợp.

Thành phố Hồ Chí Minh tiếp cận với Biển Đông qua huyện Cần Giờ và một mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt. Trung tâm Thành phố cách biển 50 km theo đường chim bay, do đó chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Giữ gìn rừng ngập mặn Cần Giờ, ngoài ý nghĩa là lá phổi xanh của thành phố còn là một biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hợp lưu của sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông và thông ra Biển Đông bằng một mạng lưới sông rạch trong đó quan trọng nhất có sông Soài Rạp và sông Lòng Tàu, theo đó mà triều truyền vào Thành phố.

Mấy năm gần đây tình trạng ngập ở Thành phố ngày càng thường xuyên hơn theo triều và mỗi khi có mưa to. Ngành thủy lợi đã đề ra các biện pháp công trình để chống ngập: đê bao và cống dọc theo các sông Vàm Cỏ Đông, Soài Rạp (hình 7). Đây là những giải pháp công trình khá tốn kém và thay đổi môi trường sâu sắc mà hiệu quả còn đang được theo dõi và đánh giá.



Hình 7. Giải pháp công trình của ngành thủy lợi (giai đoạn 1)

Tình trạng ngập ở Thành phố tùy thuộc vào chế độ thủy văn của các sông, vào biên độ triều tại cửa biển. Nó còn tùy thuộc vào hệ thống thoát nước của thành phố, độ sụt lún tự nhiên và nhất là độ sụt lún gia tốc tại địa bàn.

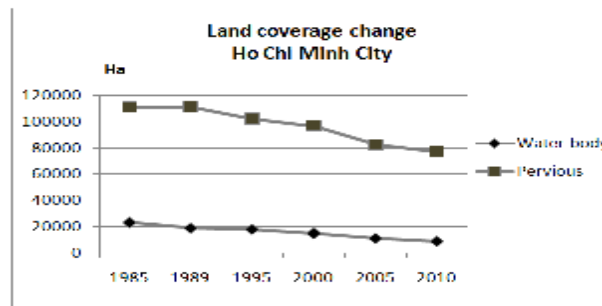
Công suất thiết kế của hệ thống thoát nước của thành phố tùy thuộc vào nhiều tham số, như số dân, lượng mưa trên lưu vực, diện tích các vùng trữ nước,

thấm nước, v.v. ... Nhưng khi bề mặt lưu vực bị “bê tông hóa” ở những nơi trước đây có khả năng trữ nước, thấm nước, thì lượng nước thoát ra sông sẽ nhiều hơn và nhanh hơn, khiến cho hệ thống thoát nước và sông rạch bị quá tải.

Hình 8 chỉ ra sự sụt giảm quan trọng của diện tích các vùng trữ nước và thấm nước kể từ khi Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu đô thị hóa nhanh đến nay. (Xem thêm Hình 4 về tốc độ đô thị hóa).

Sự sụt lún gia tốc là do khai thác nước ngầm, khoáng sản, xây dựng các công trình và đô thị gây nên.

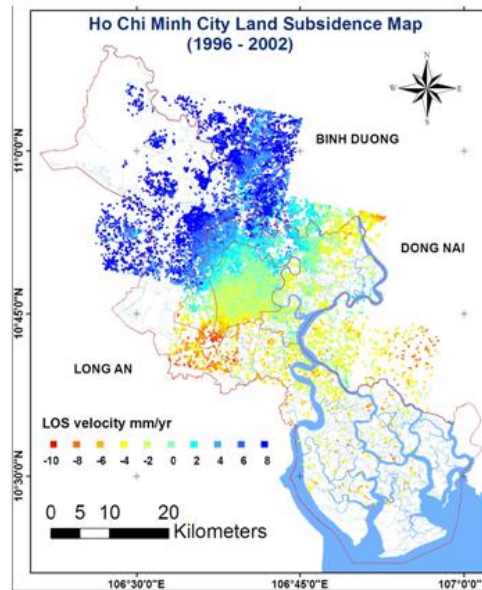
Từ thập niên 1990 khi Thành phố bắt đầu đô thị hóa, hàng trăm ngàn mét khối nước ngầm đã được khai thác mỗi ngày, đặc biệt ở các khu đô thị mới. Mực nước ngầm thành phố đã tụt giảm trên 20 mét từ 1990 đến nay, đã góp phần không nhỏ vào sự biến dạng mặt đất thành phố.



(Thông báo riêng của Ts. Hồ Long Phi)

Hình 8. Sự giảm diện tích trữ nước và thấm nước của Tp Hồ Chí Minh

Những kết quả đo đạc ban đầu bằng kỹ thuật PS InSAR cho thấy tốc độ biến dạng nằm trong khoảng từ -10 đến +8 mm/năm (Hình 9) và độ sụt lún ở một số nơi trong nội ô thành phố đạt 30 mm trong khoảng thời gian từ 1996 đến 2003 [7].



Nguồn: L.V.Trung, H.T.M.Dinh (2009)

Hình 9. Biến dạng mặt đất Tp. Hồ Chí Minh (1996-2002)

Xử lý số liệu thủy văn từ 1988 đến 2008 cho thấy trong khoảng thời gian này tại trạm Vũng Tàu mực nước đỉnh triều cường cao nhất trong năm tăng bình quân 3.88 mm/năm trong khi đó tại trạm Phú An là 14.23 mm/năm, cao hơn 3,7 lần mức tăng tại Vũng Tàu [8]. Mức tăng này phải chăng xuất phát từ những tác động nội tại trong khu vực sông Sài Gòn, sông Đồng Nai? Đó là điều mà giải pháp chống ngập TP HCM đã và đang thực hiện cần quan tâm và làm rõ.

4. ĐỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với dân số 7.681.700 người năm 2012, chưa kể số người cư trú không đăng ký trên địa bàn, thì việc Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một siêu đô thị trong một tương lai gần là điều hiển nhiên. Tuy nhiên, như đã thấy trên đây, để là một siêu đô thị an toàn và phát triển bền vững, Thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều việc phải giải quyết.

Cần tham khảo các thành tựu và nhất là các khó khăn, vấp vấp trong quá trình phát triển mà các siêu đô thị Bangkok, Manila, Jakarta đã và đang đối mặt để rút ra những bài học và kinh nghiệm cần thiết, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu [9].

Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về phát triển bền vững tại Johannesburg năm 2002 nhất trí rằng để phát triển bền vững, phải dựa trên ba trụ cột: tăng trưởng kinh tế, công bằng và tiến bộ xã hội, và bảo vệ môi trường [10].

Tăng trưởng kinh tế, thỏa được công bằng và tiến bộ xã hội nhưng môi trường suy thoái, cạn kiệt, sẽ không có được phát triển bền vững.

Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ được môi trường nhưng xã hội bị phân hóa giàu nghèo, bị phân tầng về giáo dục, về hưởng thụ văn hóa, thì cũng sẽ không thể có ổn định để phát triển.

Một mô hình phát triển trong đó kết quả của các thành tựu được chia đều cho mọi người, môi trường được bảo vệ nhưng kinh tế không tăng trưởng thì mô hình tồn tại được nhưng sẽ không lâu dài, đặc biệt trong một thế giới cạnh tranh quyết liệt và ngày càng có nhiều giao lưu.



Hình 10. Mô hình phát triển bền vững

Một quốc gia hay (trong một chừng mực nào đó) một thành phố chỉ có thể phát triển bền vững khi mô hình phát triển của quốc gia (hay thành phố) đó nằm trong phần giao nhau giữa ba vòng *Kinh tế*, *Xã hội* và *Môi trường*, nghĩa là mô

hình phải đảm bảo *đồng thời* tăng trưởng kinh tế, công bằng và tiến bộ xã hội, và môi trường được bảo vệ (Hình 10).

Để một mô hình phát triển được như vậy, điều tiên quyết là đất nước hay thành phố phải được *quản lý và điều hành tốt*.

Để tìm được một mô hình phát triển như vậy, và để quản lý và điều hành tốt, qua những gì đã trình bày trên đây về Thành phố Hồ Chí Minh, cần *tiếp cận hệ thống* bài toán đặt ra, nhớ rằng các tương tác trong mỗi vòng Kinh tế, Xã hội và Môi trường, và giữa ba vòng không chỉ có ở sơ cấp mà còn ở thứ cấp và ở các cấp cao hơn. Độ phức tạp của mô hình không phải tuyến tính mà là phi tuyến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] GlobeScan and MRC McLean Hazel, *Megacities Challenges, A Stakeholder Perspective* (2007), Research Project sponsored by Siemens.
- [2] McKinsey Global Institute, *Urban World: Mapping the Economic Power of Cities*, 2011.
- [3] Krass F., Nitschke U. (2008), Mega-urbanisation and Global Change in Asia: Processes, Problems and Perspectives, Kraas, F. (2007): Megacities and global change: key priorities. *Geographical Journal* 173 (1): 79-82.
- [4] Nguyễn Ngọc Trân, *Về đầu tư trực tiếp nước ngoài*, trong *Một số vấn đề kinh tế toàn cầu hiện nay*, trang 109 – 184, Nhà xuất bản Thế giới, 2003.
- [5] Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, *Thành phố Hồ Chí Minh, 35 năm xây dựng và phát triển (1975 – 2010)*, 2012, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Oxfam Vietnam, *Giảm nghèo đô thị tại Việt Nam: thách thức mới, cách tiếp cận mới*, 2012, <http://oxfamvietnam.wordpress.com/resourcesbao-cao/>
- [7] L. V. Trung, H. T. M. Dinh (2009). *Monitoring Land Deformation Using Permanent Scatterer InSAR Techniques (Case study: Ho Chi Minh City)*. The 7th FIG Regional Conference on Spatial Data Serving People: Land Governance and the Environment – Building the Capacity. Hanoi, Vietnam, 19-22 October 2009.
- [8] Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Ngọc Trân, *Về biến đổi mưa và mức nước ở Nam Bộ rút ra từ phân tích các số liệu thủy văn trong giai đoạn 1988-2008*. Báo cáo kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đồng bằng sông Cửu Long (MDDRC), tháng 2. 2010.
- [9] World Bank, *Climate Risks and Adaptation in Asian Coastal Megacities. A Synthesis Report*, September 2010.
- [10] Nguyễn Ngọc Trân, *Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu Johannesburg 2002 và phát triển bền vững*, trong *Những hòn đá nhỏ vì sự phát triển bền vững*, trang 30 – 38, Nhà xuất bản Trẻ, 2011.